

## ĐÔI ĐIỀU VỀ CÁC ĐẠI HỌC QUỐC GIA

• GS. NGUYỄN MINH THỌ

Trường Đại học Leuven, Bỉ

Việc thành lập hai trường Đại học Quốc gia (Vietnam National University, viết tắt là VNU) ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) vào năm 1993 được xem là một di sản của Thủ tướng Võ Văn Kiệt để lại cho ngành giáo dục. Ở cuối thập kỉ 1980, tình hình xuống cấp của nền giáo dục Việt Nam và sự yếu kém của nghiên cứu khoa học đã trở nên nổi cộm. Lúc đó cuộc tranh luận trong nội bộ của chính quyền và giới giáo dục đại học (không được công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như hiện nay) đã diễn ra xung quanh câu hỏi: để nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong nước cần xây dựng một số trường đại học hoàn toàn mới, theo những chuẩn mực và tổ chức quốc tế, hay là tìm cách cải thiện các cơ sở hiện có?

Cuối cùng, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã chọn giải pháp thứ hai: sáp nhập các trường chuyên ngành hiện có như Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn... trong một hệ thống tổ chức mới có tên gọi Đại học Quốc gia (ĐHQG). Theo quyết định thành lập, mỗi ĐHQG ở Hà Nội và TP. HCM là một trung tâm đào tạo đại học các ngành khoa học cơ bản, đồng thời là một trung tâm đào tạo sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ đa ngành. Sau này, ngoài các trường thành viên, mỗi trường còn bao gồm các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học.

Nếu chỉ xét riêng về số lượng sinh viên thì mỗi ĐHQG là một trường rất lớn, quá lớn. Vì vậy, để có thể quản lí cần có những cơ chế phù hợp. Mỗi trường hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng chính phủ. Về hành chính, mỗi trường có vị trí ngang bằng Bộ Giáo dục và đào tạo. Từ năm 2001, mỗi ĐHQG được quyền in và cấp các loại văn bằng, chứng chỉ theo mẫu riêng. Đây là một trong những điều thể hiện cơ chế hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác đào tạo, thực hiện vai trò và sứ mạng của một trung tâm đào tạo đại học.

Dù việc ra đời của hai ĐHQG là nhằm một phần giải quyết mối ngổn ngang của các trường đang tồn tại (do lịch sử để lại), hơn là tạo ra một mô hình tổ chức giáo dục-đào tạo mới, nó cũng thể hiện một cái nhìn có tầm chiến lược lâu dài về giáo dục và đào tạo. Đó là mục tiêu tập trung nguồn lực lớn của Nhà nước xây dựng những trung tâm đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, hiện đại, sớm có khả năng hội nhập với nền giáo dục và khoa học thế giới, nhằm liên tục đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Đất nước hưng thịnh và phát triển hay không là tùy thuộc vào sự hình thành và sử dụng các thế hệ trẻ có kiến thức rộng và tri thức cao!

Nhìn chung, các ĐHQG đã tồn tại và có tác động tích cực, đồng thời đã giữ được phần nào vị trí đầu đàn và chất lượng trong thời gian qua, khi nền giáo dục nước ta nói chung, giáo dục đại học nói riêng liên tục gặp khó khăn. Mỗi ĐHQG đã phát triển được ưu thế của một trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, xây dựng tương đối thống nhất quy trình và chương trình đào tạo giữa các đơn vị thành viên của trường. Trên thực tế, Trường ĐHQG TP. HCM có một đội ngũ cán bộ giảng dạy trình độ cao nhất ở địa phương, và hàng năm trước những biến động liên tục trong giáo dục, trường vẫn thu hút được phần lớn sinh viên xuất sắc nhất trên cả miền Nam.

Tuy nhiên, với tinh thần Võ Văn Kiệt là luôn luôn cải cách để tiến lên, mỗi trường cần thực hiện nhanh chóng và triệt để hơn những thay đổi về cả tổ chức và nội dung đào tạo. Hiện nay các trường thành viên của một ĐHQG đều có vị trí ngang nhau, điều này hoàn toàn không thuận lợi cho việc phân cấp để thu hút sinh viên và có kế hoạch đầu tư phù hợp. Trong một hệ thống như ĐHQG, thiết nghĩ, nên tổ chức theo hình tháp: nên cải cách theo chiều hướng tổ chức lại mỗi ĐHQG thành một hệ thống đại học nhiều tầng, trong đó có trường nghiên cứu (cấp bằng cao học và tiến sĩ), có trường chỉ cấp đến bằng cử nhân; và có thể có trường chỉ đào tạo hai năm (như các đại học cộng đồng ở Mỹ). Việc tuyển nhận sinh viên vào từng trường sẽ khác nhau;

giáo sư và cán bộ giảng dạy cũng sẽ khác nhau. Tiền học và tiền lương cũng sẽ khác nhau, và tiến đến bãi bỏ việc giáo sư hưởng lương theo số giờ dạy. Việc phân cấp trong trường cho phép mỗi sinh viên có điều kiện tổ chức lại việc học của mình. Một sinh viên có khả năng nhưng không được may mắn trong mùa thi tuyển có thể bắt đầu học từ một trường thấp và khi có kết quả học tập tốt có thể chuyển lên trường cao hơn để hoàn thành chương trình học (và ngược lại). Điều này cũng có thể áp dụng đối với cán bộ giảng dạy.

Về số năm học, có thể nói chương trình đại học và sau đại học ở Việt Nam hiện nay khá dài so với thế giới. Điều đó gây nên khá nhiều thiệt thòi cho sinh viên nước ta khi họ ra học tiếp ở nước ngoài. Thiết nghĩ, nếu được quyền tự chủ trong việc tổ chức học và phát bằng, mỗi ĐHQG nên nhanh chóng tổ chức lại chương trình học theo thời gian 3+2+3=8 năm, như hiện đang được triển khai ở Âu châu: đó là chương trình **bama** (theo tuyên bố Bologna) gồm 3 năm cho bachelor (cử nhân), 2 năm cho master (thạc sĩ) và 3 năm cho Ph.D. (tiến sĩ); có nơi tổ chức theo quy trình 4+1+3.

Ngoài hoạt động giảng dạy, vai trò chính của một đại học còn là nghiên cứu khoa học. Xu thế chung của giáo dục hiện đại là dựa trên nghiên cứu (research-based education). Mỗi giáo sư phải cùng một lúc làm cả hai việc: giảng dạy và nghiên cứu. Dù rằng hiện nay, trước áp lực và tác động của phát triển kinh tế - xã hội, có nhiều hướng nghiên cứu ưu tiên khác nhau, nhưng nghiên cứu khoa học cơ bản là một sứ mệnh hàng đầu và không thể thay thế được của một cơ sở đại học đúng nghĩa và có tầm vóc. Thành quả trong nghiên cứu khoa học là bản sắc tạo nên uy tín, danh tiếng và vị trí của một đại học. Mỗi ĐHQG có một ngân sách không nhỏ dành cho việc hỗ trợ nghiên cứu khoa học (trong năm 2008, ĐHQG Hà Nội có 31 nhóm nghiên cứu, đề xuất 16 hướng nghiên cứu tập trung vào toán, vật lí, hoá học, sinh học, khoa học trái đất - môi trường và kinh tế). Nhìn chung, vì điều kiện kinh tế, số cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu còn quá nhỏ. Quả thật, có một thực trạng đã kéo dài trong nhiều thập kỉ qua và vẫn tiếp tục tồn tại là đồng lương cán bộ giảng dạy tại các trường (kể cả các cơ quan nghiên cứu khác trong nước) còn quá thấp. Điều này

khiến "lực lượng khoa học công nghệ cao" này ngoài công việc ở trường còn phải dành thêm nhiều thời gian cho các hoạt động khác ngoài lề để tăng thu nhập, bảo đảm cuộc sống. Từ đó, kết quả và chất lượng nghiên cứu, khi có được, còn chưa cao. Vừa qua, chương trình quốc gia hỗ trợ nghiên cứu khoa học cơ bản, Nafosted, bắt đầu việc xếp hạng các nhóm nghiên cứu dựa theo số lượng và chất lượng các công trình công bố trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế. Theo đó, phần lớn các công trình có giá trị đã công bố đều được thực hiện từ các phòng thí nghiệm nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác hoặc do các nghiên cứu sinh, học viên cao học Việt Nam thực hiện tại nước ngoài. Vì vậy, để thực hiện được vai trò của mình, ĐHQG cần có chiến lược cũng như dành ngân sách lớn và thời gian cho việc nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng dạy. Hi vọng đến một lúc nào đó sẽ không còn sự phân biệt "cán bộ giảng dạy" và "cán bộ nghiên cứu"; và các giáo sư hướng dẫn hay chủ nhiệm đề tài thực sự có được điều kiện để toàn tâm, toàn ý trong nghiên cứu. Ngoài ra, cần có cơ chế để sắp xếp lại gọn nhẹ những đơn vị sau nhiều năm hoạt động mà không mang lại kết quả đáng kể.

Bên cạnh đó, có một thực trạng đáng lo lắng hiện nay là các đại học Việt Nam thiếu một cơ chế cho phép sinh viên, nghiên cứu sinh, giáo viên hướng dẫn... cùng tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học. Thật vậy, điều bất cập là rất ít các phòng thí nghiệm, chương trình nghiên cứu có khoản ngân sách dùng để trả học bổng (hay lương) cho sinh viên, nghiên cứu sinh và cộng tác viên. Sinh viên cao học ít khi nhận được thù lao, nghiên cứu sinh phải làm một công việc gì khác để sống. Rất nhiều người phải tự bỏ tiền hay tìm kiếm từ một nguồn nào khác để theo một chương trình đào tạo tiến sĩ. Ở nhiều trường, nghiên cứu sinh phải tự bỏ tiền mua sắm thiết bị, hoá chất... hay phụ thuộc vào sự tử tế (và tùy tiện) của các giáo sư hướng dẫn/chủ nhiệm đề tài. Việc sinh viên, nghiên cứu sinh không có đồng lương đầy đủ, ổn định khiến họ không toàn tâm, toàn ý hoạt động khoa học, bởi hoạt động khoa học thường đòi hỏi một sự tập trung cao nhất. Vì thế, hơn bất cứ nơi nào khác, ĐHQG cần có quy định rõ ràng về quy chế và việc trả

*(Xem tiếp trang 55)*